

NGOẠI THƯƠNG CHÂU PHI - THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Th.S. Trần Thùy Phương*

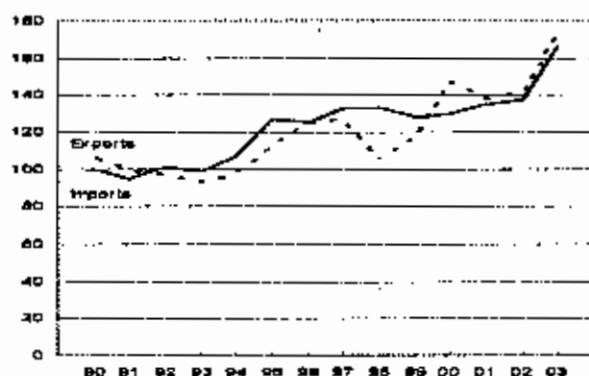
1. Tình hình chung

Những đặc điểm lớn của hoạt động thương mại châu Phi trong bối cảnh hiện nay có thể được tóm tắt như sau:

Thứ nhất, giá trị xuất nhập khẩu của châu Phi có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây (hình 1). Tổng xuất khẩu hàng hoá của châu Phi năm 2003 đạt 173,2 tỷ USD, tăng 23%; trong khi đó mức tăng của năm 2002 chỉ là 2%. So với

năm 2002 thì tăng trưởng xuất khẩu của năm 2003 nhiều hơn đến 21%. Có thể thấy rằng, tăng trưởng xuất khẩu của châu Phi năm 2003 vượt so với mức tăng 16,4% toàn thế giới và mức tăng 19,7% của các nước đang phát triển. Nhập khẩu hàng hoá của châu Phi đạt mức tăng trưởng rõ nét trong năm 2003, đạt 166 tỷ USD, tăng 21%, nhiều hơn 19% so với mức tăng 2% của năm 2002.

Hình 1. Thương mại châu Phi giai đoạn 1990 - 2003 (tỷ USD)



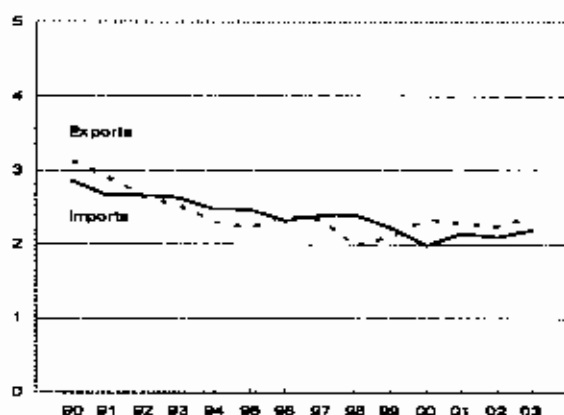
Nguồn: Resource-trade statistic, 2004, <http://www.wto.org/>

Thứ hai, tuy tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng nhiều nhưng tỷ trọng của châu Phi trong thương mại thế giới lại tăng không đáng kể, thậm chí có thể coi là đứng yên (hình 2). Năm 2000, tỷ trọng của lục địa này trong thương mại thế giới (gồm cả xuất và nhập khẩu) đều giảm. Tỷ trọng của châu Phi trong xuất khẩu thế

giới giảm từ 3,1% trong năm 1990 xuống còn 2,3% năm 2000, tỷ trọng trong nhập khẩu giảm từ 2,7% năm 1990 xuống 2,1% năm 2000. Đến năm 2003, tỷ trọng của châu Phi trong xuất khẩu của toàn thế giới tăng chút ít, đạt 2,4% và tỷ trọng trong nhập khẩu thế giới đạt 2,2%. Trong năm 2003, thương mại của châu Phi mới chỉ chiếm khoảng 1,5% tổng thương mại toàn cầu, gần như không đổi so với năm 2002.

* Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Hình 2: Tỷ trọng của châu Phi trong thương mại thế giới, giai đoạn 1990-2003 (%)



Nguồn: Resource-trade statistics, 2004, <http://www.wto.org/>

Thứ ba, hoạt động thương mại có ảnh hưởng chưa nhiều đến tăng trưởng kinh tế của từng quốc gia nói riêng và toàn châu lục nói chung. Hầu hết các quốc gia châu Phi có chỉ số xuất khẩu đầu người vào loại thấp nhất thế giới, đó là lý do khiến mức GDP/người ở châu lục này thấp trong môi trường toàn cầu hoá, hoạt động xuất khẩu là một nhân tố quan trọng tạo ra thu nhập nội địa. Giai đoạn 1980-1989, mức tăng GDP thực tế bình quân đầu người ở châu Phi là -0,6%/năm, sang đến giai đoạn 1990-1999 tăng lên 0,2%/năm. Trong khi đó, con số tương đương ở EU là 2,1%/năm và 1,7%/năm, ở Mỹ là 1,8%/năm và 1,4%/năm, ở các nước đang phát triển là 1,9%/năm và 3,3%/năm, đặc biệt các nước châu Á là 5,1%/năm và 5,4%/năm. Hơn nữa, có thể thấy rằng sự phát triển của mỗi quốc gia châu Phi phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động ngoại thương của quốc gia đó. Cụ thể là, các quốc gia xuất khẩu dầu mỏ đạt mức tăng trưởng kinh tế ổn định, ước đạt 4,4% năm 2004; trong khi đó, tăng trưởng GDP ở các quốc gia nhập khẩu dầu chỉ khoảng 3%.

2. Xuất khẩu

a. Kim ngạch và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu: Đối với mặt hàng khoáng sản,

sau một thời gian đạt tỷ lệ tăng trưởng khá cao là 12% năm 1995-2000, đến năm 2001 và 2002 tỷ lệ này sụt giảm mạnh (-11% và -3% tương ứng). Nhưng sang năm 2003, xuất khẩu khoáng sản đã phục hồi và đạt mức tăng trưởng 27% với tổng kim ngạch xuất khẩu là 95,1 tỷ USD. Tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu hàng chế tạo trong giai đoạn 1995-2000 đạt 4%, đến năm 2001 sụt giảm xuống -2%, năm 2002 đạt 4%, đến năm 2003 tăng vượt mức với tỷ lệ 22%, đạt tổng kim ngạch 46,7 tỷ USD. Bên cạnh đó, nông sản và thực phẩm vẫn là những thành phần quan trọng trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng nông sản khá đều, tăng từ 1% năm 2001 lên 8% năm 2002 và đến năm 2003 đạt mức tăng 16% ứng với kim ngạch xuất khẩu là 24,1 tỷ USD (bảng 1). Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của hàng nông sản chưa tương xứng với tỷ trọng của nó trong cơ cấu hàng xuất khẩu. Cụ thể là trong năm 2002, xuất khẩu nông sản của châu Phi chỉ tăng 8%, đạt 22,1 tỷ USD, trong khi tỷ trọng của loại hàng này chiếm đến gần 16% tổng giá trị xuất khẩu toàn châu lục.

Bảng 1. Xuất khẩu của châu Phi năm 2003 theo nhóm hàng và khu vực

	Giá trị	Tỷ trọng		Tăng trưởng hàng năm			
	(tỷ USD)	(%)		(%)			
	2003	1995	2003	1995-2000	2001	2002	2003
Tổng hàng hoá							
Thế giới	173.2	100.0	100.0	6	-6	2	23
Tây Âu	83.7	68.9	48.4	4	-4	-1	18
Bắc Mỹ	32.8	14.2	18.9	10	-7	-5	47
Châu Á	30.6	13.8	17.7	9	-13	22	22
Châu Phi	17.7	9.8	10.2	5	-10	17	19
Khoáng sản							
Thế giới	95.1	100.0	100.0	12	-11	-8	27
Tây Âu	42.5	50.5	44.7	10	-7	-3	18
Bắc Mỹ	25.7	24.9	27.0	11	-12	-13	58
Châu Á	17.9	12.5	18.8	19	-19	21	21
Châu Phi	4.7	5.9	5.0	8	-16	6	23
Hàng chế tạo							
Thế giới	46.7	100.0	100.0	4	-2	4	22
Tây Âu	24.8	58.0	53.2	4	0	-9	22
Bắc Mỹ	8.3	18.2	17.8	2	-15	32	18
Châu Á	6.0	11.3	12.8	1	-5	30	32
Châu Phi	5.3	7.9	11.4	5	24	14	20
Nông sản							
Thế giới	24.1	100.0	100.0	-3	1	8	16
Tây Âu	12.2	60.7	50.6	-7	2	10	15
Bắc Mỹ	4.4	10.8	18.3	8	6	4	17
Châu Á	4.3	17.4	17.9	-2	2	8	16
Châu Phi	1.5	4.4	6.2	-1	15	15	26

Nguồn: Resource-trade statistics, 2004, <http://www.wto.org/>.

b. Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu: Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của châu Phi là khoáng sản (gồm dầu mỏ, vàng, kim cương...) nông sản (gồm 9 mặt hàng là chuối, cà phê, ca cao, bông, lạc, cao su, đường, chè, thuốc lá) và hàng chế tạo. Nếu như tỷ trọng của hàng nông sản trong năm 2000 chiếm 12,9% tổng xuất khẩu toàn châu lục thì đến năm 2002 đã tăng lên 15,8%. Tỷ trọng khoáng sản trong tổng xuất khẩu giảm từ 59,7% xuống còn 55,0%, hàng chế tạo tăng nhẹ từ 24,6% đến 25,2% tổng lượng xuất khẩu trong cùng thời kỳ.

c. Các thị trường xuất khẩu hàng hoá cơ bản của châu Phi: Trong năm 2003, thị trường xuất khẩu lớn nhất của châu Phi là

Tây Âu với tỷ trọng 48,8%, đạt 83,7 tỷ USD, trong đó sang EU là 44,8%, đạt 77,6 tỷ USD. Thứ hai là thị trường Bắc Mỹ với 18,9%, đạt 32,8 tỷ USD, thứ ba là thị trường các nước châu Á với 17,7%, đạt 30,6 tỷ USD. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu sang châu Á tăng từ 6,7 tỷ USD năm 1990 lên 17,2 tỷ USD năm 2000. Đến năm 2003, con số này đạt 30,6 tỷ USD, tăng 22% so với năm 2002. Thậm chí hiện nay châu Á còn được coi là thị trường phát triển nhanh và đầy tiềm năng nhất đối với các sản phẩm của châu Phi.

d. Phần lớn xuất khẩu từ châu Phi tập trung ở một số quốc gia tiêu biểu. Cụ thể trong năm 2000, 6 quốc gia (mà tỷ trọng từng quốc gia lớn hơn 8% trong tổng xuất

khẩu toàn châu Phi) là Nam Phi, Nigêria, Angiêri, Libi, Angola và Maroc đã chiếm hơn 70% tổng xuất khẩu của toàn châu lục (thậm chí năm 1980 còn chiếm hơn 76%).

3. Nhập khẩu

Các mặt hàng nhập khẩu chính của châu Phi bao gồm: hàng hoá công nghiệp như dầu lửa, máy móc, thiết bị...; hàng hóa tiêu dùng như quần áo, giày dép...; hàng nông sản như lúa mì, lúa gạo, ngô, đường, dầu cọ, sữa...

a. Về cơ cấu hàng nhập khẩu: Châu Phi vẫn chủ yếu nhập hàng chế tạo và tỷ trọng nhập khẩu hầu như ổn định. Trong năm 1999, tỷ trọng nhập khẩu hàng chế tạo trong tổng nhập khẩu toàn khu vực là 70,2%; đến năm 2002 tăng nhẹ lên khoảng 70,9%. Đối với hàng nông sản, năm 1999 tỷ trọng nhập khẩu trong tổng nhập của toàn châu lục là 16,6%, thì đến 2002 giảm nhẹ còn khoảng 15,9%. Con số này đối với khoáng sản trong cùng thời điểm tăng từ 10,1% lên 10,8% (bảng 2).

Bảng 2. Thành phần nhập khẩu của từng khu vực trên thế giới

Vùng	Nông sản (%)		Khoáng sản (%)		Hàng chế tạo (%)	
	1999	2002	1999	2002	1999	2002
Bắc Mỹ	6,3	6,2	9,0	11,2	80,5	78,5
Tây Âu	11,0	10,2	8,2	10,7	77,2	75,7
Châu Á	10,6	9,5	14,5	16,9	72,5	71,1
Mỹ La Tinh	9,6	9,8	9,1	10,9	78,0	76,3
Châu Phi	16,6	15,9	10,1	10,8	70,2	70,9

Nguồn: WTO, *International Trade Statistics*, 2001 và 2003.

b. Tuy chủ yếu nhập hàng chế tạo, song châu Phi vẫn phải nhập một lượng đáng kể nông sản. Lý do chính là tình trạng thiếu lương thực vẫn thường xuyên xảy ra ở châu lục này. Tổng lượng nhập khẩu ngũ cốc của châu Phi trong năm 2003 khoảng 38,2 triệu tấn, gồm 23,2 triệu tấn lúa mì và 15 triệu tấn ngũ cốc khác. Trong đó, nhập khẩu của Bắc Phi ở mức cao, khoảng 23,4 triệu tấn, chiếm 61% tổng lượng nhập khẩu ngũ cốc toàn châu lục.

c. Về các thị trường cung cấp hàng hoá cho châu Phi: Có thể thấy rằng, châu Phi nhập nhiều nhất từ các nước Tây Âu với tỷ trọng nhập khẩu lên tới 49,5%, tiếp đó là từ châu Á với tỷ trọng 19,5%. Nhập khẩu giữa nước châu Phi với nhau chiếm tỷ trọng 11%, đứng hàng thứ 3 về đối tác nhập khẩu của châu lục này.

4. Những tổn tại và nguyên nhân

Thứ nhất, châu Phi phụ thuộc quá nhiều vào việc xuất khẩu hàng hoá thô nên rất dễ bị tổn thương khi giá cả các mặt hàng này biến động.

Hầu hết các nước châu Phi đều phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu một số sản phẩm thô, chẳng hạn là dầu mỏ và khoáng sản. Việc phụ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu sản phẩm thô, đặc trưng chủ yếu của các quốc gia châu Phi, khiến châu lục này rất nhạy cảm với những thay đổi bất thường của thị trường bên ngoài. Nhìn chung, giá của hàng hoá thô, nhất là các nông phẩm nhiệt đới thường dao động mạnh trước những biến động của cung cầu thế giới. Hậu quả là tỷ trọng của châu Phi trong thương mại toàn cầu ngày càng giảm sút.

Thứ hai, cơ cấu và thị trường xuất khẩu của các nước châu Phi hầu như tương tự nhau, dẫn đến tình trạng cạnh tranh lẫn nhau và chịu nhiều thiệt thòi về giá do đó gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu.

Có thể chính thành phần xuất khẩu hầu hết là sản phẩm thô và đích đến của hàng hoá châu Phi hầu như tập trung vào một số thị trường cố định là nguyên nhân gây nên sự trì trệ trong hoạt động hoạt động xuất khẩu của lục địa này. Khác với các khu vực đang phát triển khác trên thế giới, để thu về nguồn ngoại tệ nhập khẩu, hầu hết các nước châu Phi đều chỉ có thể tập trung xuất khẩu các mặt hàng nông sản và khoáng sản có giá trị gia tăng thấp như cà phê, cacao, bông, đồng... Việc cũng tập trung xuất khẩu một số mặt hàng thô là những hàng hoá có mức tăng trưởng chậm chạp trên thị trường thế giới làm cung các sản phẩm này tăng cao, do đó ảnh hưởng xấu đến hoạt động xuất khẩu cả về số lượng và giá cả. Hơn nữa, sự phụ thuộc quá nhiều vào một số thị trường cũng làm tăng những biến động của lợi nhuận xuất khẩu bởi giao động cầu của các quốc gia nhập khẩu.

Thứ ba, những trở ngại như thuế quan, các rào cản phi thuế quan và chính sách trợ giá của các nước phát triển đã hạn chế hàng hoá nông sản xuất khẩu từ châu Phi.

Đối với châu Phi, nông nghiệp là nguồn nuôi sống chính đối với nông dân và tính chung ngành nông nghiệp chiếm tới 2/3 lực lượng lao động của châu Phi. Nông nghiệp đóng góp hơn 1/3 GDP của phần lớn các nước, chiếm tới 40% tổng giá trị xuất khẩu. Tăng trưởng kinh tế của các nước châu Phi phần lớn phụ thuộc vào nông nghiệp. Vì thế, giờ đây, nông nghiệp được xem là động lực chính nhằm đưa châu Phi thoát khỏi tình trạng nghèo đói, lạc hậu và chậm phát triển. Đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng cường xuất khẩu

nông sản trở thành nhân tố quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng của toàn châu lục. Mặc dù đã có những cải cách lớn, nhưng nền nông nghiệp châu Phi vẫn bị coi là lạc hậu, sản lượng thấp, gây ra tình trạng nghèo đói và thiếu lương thực triền miên. Nguyên nhân chính khiến châu Phi thiếu quan tâm đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và khả năng mở rộng thị trường bị hạn chế là do các quốc gia châu Phi phải chịu thiệt hại do các điều khoản thương mại không thuận lợi cho xuất khẩu hàng nông sản. Những rào cản thương mại và chính sách trợ giá nông sản ở các nước giàu đã làm nguồn thu ngoại tệ của các nước châu Phi ngày càng rơi vào vòng xoáy giảm sút. Cụ thể là:

- *Thuế quan nhập khẩu đánh vào nông sản cao hơn nhiều so với thuế đánh vào các mặt hàng khác.* Tại EU, mức thuế trung bình đánh vào hàng nông sản là 19% so với 4,3% với hàng chế tạo. Các nước giàu sử dụng thuế như một công cụ hữu ích để bảo hộ các sản phẩm đặc biệt trong nước. Hơn nữa, thuế quan đã cản trở xuất khẩu các hàng hoá chế biến từ châu Phi bởi mức thuế áp dụng cho sản phẩm chế biến cuối cùng thường cao hơn so với mức thuế cho hàng thô. Do đó, đã hạn chế cơ hội cho các nhà xuất khẩu muốn đa dạng hoá xuất khẩu đối với các sản phẩm chế biến. Vì vậy, họ phải quay trở lại để tiếp tục tìm hướng xuất khẩu cho hàng hoá thô.

- *Phạm vi những rào cản phi thuế quan (NTBs) để kiểm soát nhập khẩu gồm hạn ngạch, hạn chế xuất khẩu tự nguyện, hạn chế cấp phép... mà các nước đang phát triển phải đối mặt cao hơn nhiều so với các quốc gia công nghiệp phát triển.* Cụ thể với châu Phi: 1) Rào cản phi thuế quan áp dụng cho những nhà xuất khẩu ở lục địa này thấp hơn so với các nước đang phát triển khác. Chỉ 11% sản phẩm xuất khẩu của châu Phi (trừ dầu mỏ) bị áp NTBs,

trong khi đó con số này ở các nước đang phát triển khác là 17%. 2) Thực phẩm xuất khẩu từ châu Phi chịu NTBs nhiều hơn so với các sản phẩm chế tạo (khoảng 23% đối với thực phẩm so với khoảng 5,7% cho hàng chế tạo). 3) Tỷ lệ áp đặt NTBs đối với nông sản và khoáng sản thô rất thấp, khoảng 0,3% đối với nguyên liệu nông sản và 6% với khoáng sản và kim loại.

• *Mức trợ giá của các nước giàu dành cho nông dân của họ cũng làm cho người nông dân châu Phi điêu đứng.* Là quốc gia xuất khẩu bông lớn trên thế giới, hiện mỗi năm Mỹ vẫn đang tiếp tục chi khoảng 3 tỷ USD để trợ cấp cho 26.000 nông dân trồng bông tại nước này. Trong năm 2004, EU đã chi khoảng 106,3 tỷ Euro (khoảng hơn 40% tổng ngân sách chung của EU) vào các chính sách nông nghiệp trong đó có trợ giá, can thiệp vào thị trường và phát triển nông thôn. Nông dân châu Phi giờ đây không còn khả năng cạnh tranh như nông dân châu Á và châu Mỹ Latinh đối với các sản phẩm như ca cao, chè, cà phê... bởi chính sách trợ giá quá cao của các nước phát triển.

Thứ tư, cơ sở hạ tầng lạc hậu và nghèo nàn, hệ thống giao thông kém phát triển, thủ tục hải quan rườm rà đã cản trở nhiều hoạt động buôn bán và thông thương của các quốc gia châu Phi, đặc biệt là với các quốc gia nằm sâu trong lục địa.

Hầu hết những nghiên cứu về thương mại châu Phi đều ít quan tâm đến cơ sở hạ tầng cần thiết cho xuất khẩu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chi phí vận chuyển cao cũng là một hạn chế lớn, đặc biệt với những quốc gia châu Phi không có đường biển. Các doanh nghiệp ở các nước này ngoài việc phải chịu chi phí vận chuyển (cả đường bộ và đường biển), còn phải chịu thêm một khoản phụ phí khi chuyển hàng đến cảng. Do đó, tổng chi phí vận chuyển cao sẽ làm tăng tổng giá trị nhập khẩu, do đó sẽ làm tăng thuế (bởi thuế được tính

trên toàn bộ giá trị nhập khẩu). Vì vậy, chi phí vận chuyển quá cao cũng có thể coi là một hạn chế đối với việc mở rộng xuất khẩu của châu Phi.

Thứ năm, đối với hoạt động nhập khẩu, châu Phi đã thể hiện một số những hạn chế cơ bản như sau:

- Quy mô thị trường của từng nước châu Phi hầu như rất nhỏ. Trình độ phát triển kinh tế và thương mại còn lạc hậu và có sự chênh lệch lớn, sức mua của người dân thấp.

- Hầu hết các nước châu Phi đều phụ thuộc vào việc nhập khẩu các sản phẩm chế biến, chế tạo từ các nước phát triển.

- Chính phủ các nước châu Phi theo đuổi chính sách thay thế nhập khẩu, dẫn đến việc bảo hộ thái quá các ngành sản xuất kém hiệu quả trong nước bằng mức thuế nhập khẩu cao.

- Chính sách thương mại của nhiều nước còn thiếu minh bạch, thiếu độ tin cậy, thiếu hiệu quả, gây nhiều xáo trộn và tác động tiêu cực đến thị trường. Sự điều hành của chính quyền và hiệu quả của pháp luật còn rất kém.

- Các tổ chức thương mại trong khu vực vẫn chưa phát huy được hết sức mạnh của mình. Nhiều mục tiêu mà các tổ chức này đặt ra không sát với thực tế, do vậy không đạt được kết quả như dự kiến.

- Các doanh nghiệp châu Phi hầu hết có khả năng tài chính kém, buôn bán đều qua trung gian hoặc theo hình thức trả chậm, gây khó khăn cho đối tác nước ngoài khi muốn triển khai hợp tác.

Thứ sáu, các quốc gia châu Phi vẫn còn đang phải đối mặt với một số hạn chế nhất định về chính trị, xã hội.

Mặc dù nhìn chung đã đi vào ổn định, nhưng từng quốc gia châu Phi vẫn tồn tại nhiều mâu thuẫn, xung đột tiềm ẩn, có

thể bùng phát bất cứ lúc nào. Đây thực sự là mối lo ngại cho các nước khác khi làm ăn buôn bán với châu lục này. Một loạt các vấn đề xã hội trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động thương mại như tham nhũng, suy thoái môi trường..., và đặc biệt là đại dịch AIDS. Theo Ngân hàng Thế giới, nếu như khu vực này không tăng tốc hơn nữa thì khó có thể đạt được Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ vào năm 2015 (bao gồm cả việc giảm một nửa số dân có mức sống tối thiểu dưới 1 USD/ngày).

5. Triển vọng phát triển

a. Hoạt động ngoại thương đã và đang được hỗ trợ tích cực bởi xu hướng ổn định về kinh tế và chính trị ngày càng gia tăng.

Từ đầu những năm 1990, châu Phi đã có những chuyển biến tích cực và ổn định về kinh tế và chính trị nhờ những chính sách cải cách kinh tế, đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế. Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB) tỏ ra khá lạc quan vì kinh tế châu Phi tăng trưởng tuy chưa nhanh nhưng đều. Tỷ lệ tăng GDP trung bình tăng từ 2%/năm (1993-1995) lên 4%/năm (1996-1997) và gần 5%/năm (1998-2000).

b. Châu Phi được hưởng những quyền lợi khá lớn khi nỗ lực trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới.

Đến đầu năm 2003, 41/53 nước châu Phi đã là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), theo đó các nước châu Phi đang nỗ lực gỡ bỏ dần các hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Là thành viên của WTO, có nghĩa là các nước này được hưởng những ưu đãi trong quan hệ thương mại quốc tế.

c. Châu Phi đang là thị trường đầy tiềm năng cho những nhà xuất khẩu đến từ các châu lục khác.

Nhu cầu hàng hoá của châu Phi rất lớn và đa dạng cả về khối lượng và chủng loại.

Trước hết là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu để phục vụ phát triển kinh tế. Tiếp đó là nhu cầu về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng phục vụ đời sống nhân dân, đặc biệt trong bối cảnh dân số châu Phi tăng rất nhanh như hiện nay. Hơn nữa, thị trường châu Phi lại chưa đặt ra những yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm hay về mẫu mã, vệ sinh, hàng rào kỹ thuật như nhiều thị trường khác.

d. Với những nỗ lực yêu cầu các nước phát triển giảm thuế và trợ cấp nông nghiệp trong các vòng đàm phán của WTO thời gian tới, châu Phi hy vọng sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao hơn.

Chính sách trợ giá này của các nước châu Âu và Mỹ đã bóp nghẹt sức cạnh tranh của hàng hoá xuất khẩu của châu Phi, đặc biệt là nông sản; hơn nữa làm cho tốc độ tăng trưởng buôn bán của châu Phi không thể tăng nhanh được. Chính sách trợ cấp nông nghiệp của các nước phát triển cùng với hàng rào thuế quan là rào cản lớn, làm cho hàng hoá châu Phi khó thâm nhập thị trường EU và Mỹ. Vì vậy, các nước công nghiệp phát triển nên xem xét để giảm thuế, giảm thậm chí là không trợ cấp cho nông phẩm xuất khẩu của nước mình để tránh thiệt hại cho nông dân châu Phi, tạo điều kiện để châu Phi có thể xuất khẩu hàng hoá sang các thị trường khác trên thế giới. Muốn thực hiện được vấn đề này, đòi hỏi WTO phải nhanh chóng nối lại các cuộc đàm phán thương mại toàn cầu, tạo điều kiện cho các nước đang phát triển ở châu Phi có cơ hội mở rộng buôn bán. Vấn đề đặt ra hiện nay là cần tạo ra "sân chơi bình đẳng" cho các nông dân châu Phi và có các quy chế ngoại thương ưu tiên giúp hàng hoá của họ có thể cạnh tranh trên thị trường thế giới và xuất khẩu sang thị trường EU, coi đây là yếu tố quan trọng giúp các quốc gia của lục địa Đen có cơ hội để tăng trưởng kinh tế.

e. Chính phủ các nước châu Phi cần tạo môi trường thuận lợi cho phát triển ngoại thương, khuyến khích sản xuất các sản phẩm có giá trị cao hơn và cải thiện cơ sở hạ tầng.

Điểm mấu chốt là chính phủ các nước châu Phi cần tiến hành thương lượng trên cơ sở khu vực để dỡ bỏ hàng rào thương mại với các nước láng giềng nhằm hình thành những thị trường lớn hơn, tạo điều kiện phát triển chiều sâu, từ đó đẩy nhanh hội nhập quốc tế. Đây chính là những biện pháp quan trọng để các nước này kích thích đầu tư, cải thiện hiệu suất cho hoạt động thương mại, phát triển kinh tế từng quốc gia và cả châu lục.

Bên cạnh đó, các chính phủ sẽ đảm nhiệm vai trò kiểm tra chất lượng sản phẩm cũng như chú trọng đầu tư, nghiên cứu, phát triển các sản phẩm xuất khẩu mới như hoa quả, rau..., tìm ra hướng đi hiệu quả hơn cho hoạt động xuất khẩu của từng quốc gia nói riêng và toàn châu lục nói chung. Theo đó, cần đầu tư nghiên cứu và chú trọng xuất khẩu các sản phẩm chế tạo, bởi trong xuất khẩu những mặt hàng chế tạo mới có mối quan hệ tích cực và trực tiếp với tăng trưởng kinh tế còn xuất khẩu hàng thô, hàng sơ chế có ảnh hưởng không đáng kể. Bên cạnh đó, chính phủ các nước phải thúc đẩy các biện pháp khác như trao đổi thông tin đàm phán thương mại đa phương, tiếp cận thị trường, đề ra các kế hoạch trung và dài hạn... để giải quyết khó khăn và đảm bảo lợi ích toàn châu lục.

Về vấn đề cải thiện cơ sở hạ tầng, một trong những lý do khiến giao dịch buôn bán giữa các nước châu Phi hạn chế là do hệ thống đường yếu kém, ít có các tuyến đường xuyên quốc gia. Cơ sở hạ tầng nghèo nàn khiến chi phí vận chuyển hàng hoá ở châu Phi cao nhất thế giới, do đó

khó cạnh tranh với hàng hoá ở các khu vực khác. Trước xu thế hội nhập khu vực và phục vụ phát triển kinh tế, châu Phi đang chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó xây dựng những tuyến đường đi qua nhiều nước nhằm giúp những quốc gia không có bờ biển có thể tăng cường giao thông và buôn bán trong khu vực. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cho chương trình phát triển hệ thống đường xá ở châu Phi là kinh phí xây dựng, bảo dưỡng. Theo thống kê, mỗi năm châu Phi cần từ 18 đến 25 tỷ USD cho nâng cấp và xây dựng cơ sở hạ tầng trong khi hiện nay con số này mới chỉ đáp ứng được là 5 tỷ USD. Vì thế, rất cần những dự án cơ sở hạ tầng công cộng từ các nhà tài trợ. Một trong những lời giải cho bài toán khó này ở châu Phi chính là sự phối hợp giữa nhà nước và tư nhân trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Tại một số khu vực khác, các nguồn vốn xây dựng đường giao thông do cả nhà nước và tư nhân cùng giám sát. Nếu thực hiện được điều này, châu Phi sẽ có khả năng và điều kiện để có thể cải thiện tốt hơn và nhanh hơn vấn đề giao thông cho các quốc gia, giúp hoạt động ngoại thương phát triển thuận lợi hơn.

Tài liệu tham khảo

1. The Worldbank (2004), "Africa Development Report".
2. The Worldbank, *World Development Indicators*, 2004.
3. The Worldbank, *World Development Indicator Database*, April 2005.
4. Thông tấn xã Việt Nam (2001-10/2005), *Kinh tế quốc tế tham khảo hàng tuần, Tài liệu tham khảo đặc biệt, Tin kinh tế hàng ngày*.
5. Các trang Web: <http://www.worldbank.org/>, <http://www.wto.org/>, <http://www.afdb.org/>, <http://www.economist.com>, [http://www.twnafrica.org/...](http://www.twnafrica.org/)